

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2023/HS-PT
Ngày: 25-10-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Sang

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu;
Bà Dương Thúy Hằng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Minh Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 127/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị L.

Do có kháng cáo của bị cáo L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2023/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị L, sinh năm 1982 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: 61/3A khu phố Ninh Thọ, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (chết) và bà Huỳnh Kim A; có chồng là Trần Văn Đ (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/4/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Anh Bùi Quang P, sinh năm 1983; vắng mặt;
 2. Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1993; vắng mặt.;
- Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TH, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp Tân Đông, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bà Huỳnh Kim A, sinh năm 1949; địa chỉ: Ấp Tân Tây, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2020, L nhiều lần đến vay tiền của vợ chồng anh P, chị H với lãi suất hằng tháng từ 2%-3% theo thỏa thuận. Đến khoảng tháng 8/2020, số tiền L vay của anh P, chị H lên đến 80.000.000 đồng nhưng không trả lãi theo thỏa thuận nên anh P, chị H đã nhiều lần đòi nợ nhưng L vẫn không có tiền trả, L đã nhiều lần xin khất nợ và xin tiếp tục vay thêm tiền nhưng anh P, chị H không đồng ý.

Do không có tiền trả và muốn chiếm đoạt tiền của anh P, chị H nên L nảy sinh ý định làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nhằm mục đích mang thế chấp cho anh P, chị H để được vay thêm tiền và chiếm đoạt số tiền đã vay trước đó. Sau đó, L lên mạng xã hội Zalo tìm kiếm tài khoản tên “Làm giấy tờ, cà vẹt xe”, nhắn tin cho người này thì được người này nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với tiền công là 3.000.000 đồng. L cung cấp hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 373497, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS04798, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho L ngày 04/4/2019 tại thửa đất số 470, tờ bản đồ số 43, diện tích 159.5 m² tọa lạc tại địa chỉ khu phố Ninh Thọ, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh nhưng trước đây L đã chuyển nhượng hợp pháp lại cho người khác. Sau khi thống nhất, L đến tiệm điện thoại tại khu vực thành phố Tây Ninh và nhờ chuyển khoản số tiền là 3.000.000 đồng cho người thuê làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ba ngày sau như đã hẹn, L đến khu vực ngã tư Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đứng chờ và nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả như đã đặt trước đó từ xe vận chuyển hành khách “Lê Khánh”.

Ngày 13/8/2020, L mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nói trên đến nhà anh P thế chấp vay thêm số tiền 40.000.000 đồng. Do tin tưởng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà L đưa là thật nên anh P đồng ý cho vay thêm và yêu cầu làm giấy viết tay thể hiện có vay tổng cộng số tiền 120.000.000 đồng, trong đó nợ cũ 80.000.000 đồng chưa trả và nợ mới 40.000.000 đồng, theo thỏa thuận với nhau sẽ tính lãi suất từ 3,5% đến 3,75% /tháng. Sau đó, L để lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà L đã làm giả cho anh P. Ngày 06/11/2020, L tiếp tục đến vay của bà Phạm Thị Vĩnh (là mẹ ruột sống chung nhà anh P) số tiền là 30.000.000 đồng và ngày 21/01/2021, L đến vay của chị H 17.000.000 đồng. Do tin tưởng L có cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vợ chồng chị H, bà Vĩnh cho L vay tiền.

Ngày 26/10/2022, do L đã nhiều lần không trả tiền theo thỏa thuận, chị H mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đến Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây

Ninh - Chi nhánh thành phố Tây Ninh để hỏi về quyền sử dụng của thửa đất này thì được biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 373497, số vào sổ cấp GCN: CS 04798 có dấu hiệu là giả nên chị H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tây Ninh tố cáo.

Ngày 27/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận giám định số 98/KL-KTHS ngày 17/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Nguyễn Thị L, số CR373497, số vào sổ cấp GCN: CS04798, ngày 07/4/2019 là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2023/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 02 (hai) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/4/2023.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả lại cho anh Bùi Quang P, chị Lê Thị Thu H với số tiền tổng cộng là 135.000.000 (một trăm ba mươi lăm triệu) đồng; ghi nhận chị H, anh P không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo **quy định của pháp luật**.

Ngày 20 tháng 8 năm 2023 bị cáo Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày căn cứ kháng cáo là bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả xong cho bị hại.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo L:

Bị cáo rất hối hận, ăn năn về hành vi phạm tội, mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, để bị cáo được sớm trở về với gia đình, nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo. Qua xem xét đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ về hình thức, thời hạn và đảm bảo theo quy định tại Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị L tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở xác định:

Đề có tiền trả nợ và sử dụng vào mục đích cá nhân, vào ngày 13/8/2020 và ngày 21/01/2021, bị cáo Nguyễn Thị L đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối bằng cách sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh P, chị H với số tiền tổng cộng là 135.000.000 đồng thì bị phát hiện.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính, được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự, trị an tại địa phương.

Về ý thức chủ quan, bị cáo biết rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét

toàn diện tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo; cũng như đã xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo mức hình phạt 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành 05 năm tù là phù hợp và tương xứng với mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, không nặng.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L, thấy rằng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo L đã tác động gia đình nộp trả toàn bộ số tiền mà cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả cho bị hại (anh P, chị H) là 135.000.000 (một trăm ba mươi lăm triệu) đồng. Anh P, chị H có Đơn xin bãi nại, đề nghị xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết mới được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Nên Hội đồng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với bị cáo.

[5] Từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử xét thấy: có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị L; sửa bản án sơ thẩm.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2023/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Tuyên xử:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.**

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L 02 (hai) năm** tù về tội “**Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức**”.

Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **04 năm tù**; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/4/2023.

2. Về biện pháp tư pháp: Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị L đã nộp tiền khắc phục hậu quả, trả cho anh Bùi Quang P, chị Lê Thị Thu H số tiền tổng cộng là 135.000.000 (một trăm ba mươi lăm triệu) đồng; ghi nhận chị H, anh P không yêu cầu tính lãi.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND. TTN;
- TAND. huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS. huyện Tân Châu;
- Công an huyện Tân Châu;
- Phòng PV 06 CATTN;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo;
- Lưu VP TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Kim Sang